

Số: ~~19~~ /2018/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày ~~21~~ tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định thực hiện một số nội dung chi, mức chi phục vụ
các kỳ thi, cuộc thi thuộc ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4
năm 2012 của Liên bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung,
mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu hỏi
trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic
quốc tế và khu vực;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định một số nội dung chi, mức chi
phục vụ các kỳ thi, cuộc thi thuộc ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên tại
Tờ trình số 1346/TTr-SGDĐT ngày 08/8/2018.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về việc tổ chức thực hiện một số nội dung chi, mức chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi thuộc trách nhiệm của ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên hoặc do ngành được giao nhiệm vụ tổ chức để thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của địa phương.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi tại Khoản 1 Điều này.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi

Nội dung chi, mức chi được thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng



nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định một số nội dung chi, mức chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi thuộc ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Mức thanh toán theo quy định này áp dụng cho những ngày làm việc thực tế trong thời gian chính thức tổ chức kỳ thi, cuộc thi.

2. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một kỳ thi, cuộc thi thì chỉ được hưởng thanh toán cho một nhiệm vụ với mức chi cao nhất.

Điều 4. Nguồn kinh phí, lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán

1. Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong việc tổ chức kỳ thi, cuộc thi đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước được giao trong dự toán hằng năm theo phân cấp ngân sách cho ngành giáo dục và đào tạo.

2. Hằng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước, căn cứ kế hoạch và nhiệm vụ được giao các cơ quan, đơn vị lập dự toán đối với nội dung chi cho các kỳ thi, cuộc thi gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp và thẩm định, làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 5. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2018.

Bãi bỏ Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 28/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi phục vụ các kỳ thi giáo viên giỏi, học sinh giỏi, tuyển sinh và tốt nghiệp THPT thuộc ngành giáo dục và đào tạo.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các đơn vị: Sở Tài chính; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
 - Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (báo cáo);
 - Các Bộ: Tài chính, GD&ĐT (báo cáo);
 - Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
 - Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo UBND tỉnh;
 - Các Sở: Tài chính; GD&ĐT; KH&ĐT;
 - Tư pháp, Thông tin và Truyền thông;
 - VP UBND tỉnh; Kho bạc Nhà nước tỉnh;
 - TT HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
 - Công báo tỉnh; TT Thông tin tỉnh;
 - Báo TN; Đài PTTH TN;
 - Lưu: VT, KT, KGVX, TH.
- Huongvt/GD/2018(70b) *vt*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trịnh Việt Hùng



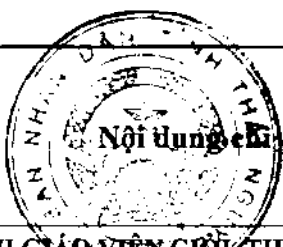
Phụ lục

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG, MỨC CHI PHỤC VỤ CÁC KỲ THI, CUỘC THI THUỘC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
A	ĐỐI VỚI KỲ THI THPT QUỐC GIA			
1	Ban chỉ đạo thi (Đối với các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh, huyện, thành phố, thị xã bằng 80% định mức này)			
	Trưởng ban	Người/ngày	350	
	Phó trưởng ban	Người/ngày	315	
	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	250	
2	Hội đồng thi			
	Chủ tịch	Người/ngày	315	
	Phó Chủ tịch	Người/ngày	300	
	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	250	
3	Công tác sao in đề thi			
	Chủ tịch hội đồng (Trưởng ban)	Người/ngày	300	
	Phó chủ tịch hội đồng (Phó trưởng ban)	Người/ngày	260	
	Ủy viên thư ký bảo vệ vòng trong (24/24 giờ)	Người/ngày	210	
	Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	115	
	Tiền ăn cho những người thuộc Hội đồng sao in đề thi trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài	Người/ngày	200	
4	Chi cho công tác coi thi			
	Chủ tịch hội đồng (Trưởng điểm)	Người/ngày	280	
	Phó chủ tịch hội đồng (Phó trưởng điểm)	Người/ngày	270	
	Thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	210	
	Công an, Bảo vệ, Y tế, Phục vụ	Người/ngày	115	
5	Tổ chức chấm thi			
5.1	Chấm bài thi tự luận			
	Bài thi	Bài	18	
	Phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi	Người/đợt	230	
5.2	Chấm bài thi trắc nghiệm			
	Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài trắc nghiệm	Người/ngày	350	
5.3	Tiền ăn cho những người thuộc Ban chấm thi, Ban làm phách trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt	Người/ngày	200	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
5.4	Ban chấm thi, Ban làm phách, Ban (Hội đồng) phúc khảo			
	Trưởng ban (Chủ tịch)	Người/ngày	300	
	Phó trưởng ban (Phó chủ tịch)	Người/ngày	250	
	Ủy viên, Thư ký, Kỹ thuật viên	Người/ngày	210	
	Công an, Bảo vệ, Y tế, Phục vụ	Người/ngày	115	
5.5	Khai mạc, tổng kết chấm thi (Theo thực tế và được cấp có thẩm quyền phê duyệt)			
6	Phụ cấp trách nhiệm thanh tra trước, trong, sau kỳ thi			
	Trưởng Đoàn thanh tra	Người/ngày	300	
	Thành viên Đoàn thanh tra	Người/ngày	210	
	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	250	
7	Chi phúc khảo (Đối với các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh, huyện, thành phố, thị xã bằng 80% định mức này)			
	Chi cho cán bộ chấm bài thi phúc khảo	Người/ngày	160	
8	Phụ cấp trách nhiệm Ban công tác cụm trường			
	Trưởng ban	Người/ngày	150	
	Phó trưởng ban	Người/ngày	130	
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	120	
9	Ban vận chuyển đề và bàn giao đề thi (Đối với các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh, huyện, thành phố, thị xã bằng 80% định mức này)			
	Trưởng ban	Người/ngày	300	
	Phó trưởng ban	Người/ngày	260	
	Ủy viên	Người/ngày	210	
	Công an, Bảo vệ, Phục vụ	Người/ngày	115	
10	Trực đêm tại các Ban coi thi (trông đề, trông bài), Ban chấm thi (trông bài và hồ sơ) (Đối với các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh, huyện, thành phố, thị xã bằng 80% định mức này)	Người/đêm	100	
B	CHI HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VÀO ĐẦU CẤP PHỔ THÔNG; XÉT TỐT NGHIỆP THPT, THCS			
	Chủ tịch	Người/ngày	220	
	Phó chủ tịch	Người/ngày	215	
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	165	
	Phục vụ	Người/ngày	100	

TT	 Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
C	ĐỐI VỚI THI GIÁO VIÊN GIỎI, THI HỌC SINH GIỎI, THI TUYỂN SINH VÀ CÁC CUỘC THI CẤP TỈNH, HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ			
I	CHI RA ĐỀ THI			
1	Chi cán bộ ra đề thi chính thức và dự bị (Bao gồm ra đề, duyệt đề và hướng dẫn chấm)			
1.1	Thi tuyển vào lớp 10 đại trà	Người/ngày	400	
1.2	Thi chọn học sinh giỏi, thi tuyển lớp 10 chuyên	Người/ngày	600	
1.3	Thi nghề phổ thông			
	Đề lý thuyết	Đề	500	
	Đề thực hành	Đề	500	
1.4	Thi giáo viên dạy giỏi	Đề	1000	
2	Ban ra đề thi			
	Trưởng ban	Người/ngày	255	
	Phó trưởng ban	Người/ngày	240	
	Ủy viên, Thư ký, cán bộ phân biên đề thi	Người/ngày	200	
	Bảo vệ vòng trong (24/24)	Người/ngày	170	
	Công an, Bảo vệ (vòng ngoài), Y tế, Phục vụ	Người/ngày	100	
3	Ban sao in đề thi			
	Trưởng ban	Người/ngày	240	
	Phó trưởng ban	Người/ngày	210	
	Ủy viên, Thư ký, Bảo vệ vòng trong (24/24)	Người/ngày	170	
	Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	100	
4	Hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ trong Hội đồng ra đề thi, Ban in sao đề thi trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài	Người/ngày	200	
5	Thuê địa điểm, máy móc phục vụ sao in đề (Theo thực tế tại thời điểm và được cấp có thẩm quyền phê duyet)			
II	TỔ CHỨC COI THI			
	Hội đồng (Ban) coi thi, điểm thi			
	Chủ tịch hội đồng (Trưởng ban)	Người/ngày	225	
	Phó chủ tịch hội đồng (Phó Trưởng ban)	Người/ngày	215	
	Ủy viên, Thư ký, Giám thị	Người/ngày	170	
	Nhân viên bảo vệ, Phục vụ, Y tế	Người/ngày	100	
III	TỔ CHỨC CHẤM THI			
1	Chấm bài thi tự luận			
	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Bài	15	
	Thi chọn học sinh giỏi	Bài	15	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
	Thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông	Bài	15	
	Phụ cấp trách nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó tổ chấm thi	Người/đợt	185	
2	Chấm bài thi trắc nghiệm			
	Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	280	
	Thuê máy chấm <i>(Theo thực tế tại thời điểm và được cấp có thẩm quyền phê duyệt)</i>			
3	Hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ trong Ban chấm thi, Ban làm phách trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài	Người/ngày	200	
4	Hội đồng (Ban) chấm thi, Hội đồng (Ban) làm phách, Hội đồng (Ban) phúc khảo			
	Chủ tịch (Trưởng ban)	Người/ngày	240	
	Phó chủ tịch (Phó trưởng ban)	Người/ngày	220	
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	170	
	Công an, Bảo vệ, Y tế, Phục vụ	Người/ngày	100	
5	Chấm thi Khoa học kỹ thuật; Giải điệu tuổi hồng			
	Trưởng ban	Người/ngày	240	
	Phó trưởng ban	Người/ngày	200	
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	170	
	Công an, Bảo vệ, Y tế, Phục vụ	Người/ngày	100	
	Chăm đề tài khoa học	Đề tài	50	
	Giám khảo chấm thi			
	- Giám khảo là Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương	Người/buổi	1000	
	- Giám khảo là Thứ trưởng, Chủ tịch HĐND và UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phó Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương; Giáo sư, D113 Chuyên gia cao cấp; Tiến sỹ khoa học	Người/buổi	800	
	- Giám khảo là Phó Chủ tịch HĐND, UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng thuộc Bộ; Viện trưởng, Phó Viện trưởng thuộc Bộ; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; Phó Giáo sư; Tiến sỹ; Giảng viên chính	Người/buổi	600	
	- Giám khảo là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và cấp tỉnh (ngoài 3 đối tượng nêu trên)	Người/buổi	500	
	- Giám khảo là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống	Người/buổi	300	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
6	Chăm thi giáo viên dạy giỏi			
	Chi chăm thi lý thuyết	Bài	50	
	Chi chăm thi thực hành	Tiết/giám khảo	100	
	Chăm sáng kiến kinh nghiệm, báo cáo sáng kiến	Sáng kiến	50	
	Hỗ trợ cho giáo viên tham gia dự thi	Người/ngày	200	
	Hỗ trợ cho học sinh lớp dạy thực hành	Học sinh /buổi	20	
	Khai mạc, tổng kết chăm thi (Theo thực tế và được cấp có thẩm quyền phê duyệt)			
7	Chi phụ cấp trách nhiệm thanh tra trước, trong, sau kỳ thi			
	Trưởng Đoàn thanh tra	Người/ngày	240	
	Thành viên Đoàn thanh tra	Người/ngày	170	
	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	200	
D	CÁC NỘI DUNG KHÁC (Chi phí hội nghị tập huấn, báo cáo viên, tài liệu, văn phòng phẩm, ...thực hiện theo các văn bản hiện hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt)			

